

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2021/DS-PT

Ngày: 06 - 5 - 2021

V/v Tranh chấp đòi tài sản (quyền sử dụng đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp đòi tài sản (quyền sử dụng đất) và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 683/2021/QĐPT-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Đinh Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt)

2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Cư trú: Số 506/1A, khóm T3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983 (có mặt)

Cư trú: Số 477A/24, khóm B3, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 27/4/2017)

- Bị đơn: Ông Đinh Văn M, sinh năm 1966 (có mặt).

Cư trú: Khu dân cư T, ấp P, xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị K, sinh năm 1944 (có mặt)

2. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đinh Văn Đ (chết ngày 04/5/2020)

2.1 Bà Trương Thị K, sinh năm 1944 (có mặt)

2.2 Ông Đinh Văn N, sinh năm 1978 (có mặt)

2.3 Ông Đinh Văn N1, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng cư trú: Số 506/1, tổ 15, khóm T3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2.4 Ông Đinh Văn M, sinh năm 1966 (có mặt)

Cư trú: Khu dân cư T, ấp P, xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang.

2.5 Bà Đinh Thị N2, sinh năm 1979 (có mặt)

Cư trú: Tổ 3, ấp M, xã Đ, huyện S, tỉnh An Giang.

2.6 Bà Đinh Thị H, sinh năm 1972 (có mặt)

2.7 Ông Đinh Văn H1, sinh năm 1981 (có mặt)

Cùng cư trú: Số 506/1, tổ 15, khóm T3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

2.8 Bà Đinh Ngọc N3, sinh năm 1985 (có mặt)

Cư trú: Ấp N, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2.9 Bà Đinh Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cư trú: Số 506/1, tổ 15, khóm T3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị T: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1983

Cư trú: Số 477A/24 B3, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 27/4/2017)

3. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1970 (có mặt)

Cư trú: Khu dân cư T, ấp P, xã Đ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

4. Bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1985 (có mặt)

5. Ông Trần Trung N4, sinh năm 1989 (vắng mặt)

6. Ông Trần Hoàng M, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Số 506/1, tổ 15, khóm T3, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

7. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh An Giang

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện S (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là bà Đinh Thị T, ông Trần Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L ủy quyền cho ông Nguyễn Văn P trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 12.301m², thửa số 50, tờ bản đồ số 30, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là của ông bà nội là Đinh Văn Chấn và Nguyễn Thị Hoa (đều đã chết) cho cha mẹ của bà Đinh Thị T là ông Đinh Văn Đ và bà Trương Thị K. Năm 1989, bà K cho bà T và ông Trần Văn L phần đất này nhưng không làm giấy tờ. Khi cho đất ông Đ biết nhưng không có ý kiến và ông L, bà T đã nhận đất canh tác đến năm 2004 cho vợ chồng ông Đinh Văn M (em bà T) và bà Lê Thị H2 thuê đất với giá 1.000.000 đồng/1.000m²/năm nhưng không làm giấy tờ, từ khi thuê đất đến nay ông M và bà H2 không trả tiền thuê đất. Đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) lần đầu vào năm 1992 và xin cấp đổi theo GCNQSDĐ số H01432nH ngày 26/12/2007 cho hộ ông Trần Văn L, bà Đinh Thị T và các con là chị Trần Thị Thanh T1, anh Trần Trung N4, anh Trần Hoàng M. Ông bà có yêu cầu ông M, bà H2 trả đất nhưng ông M, bà H2 không thực hiện. Hiện nay, GCNQSDĐ số H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ bà T và ông L không thể chấp, cầm cố mà ông L, bà T đang giữ.

Ông L và bà T yêu cầu ông M và bà H2 trả lại phần đất diện tích 12.301m² để ông bà sử dụng. Ông bà không đồng ý hủy GCNQSDĐ số H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ ông L và bà T theo yêu cầu của ông M.

Bị đơn là ông Đinh Văn M trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 12.301m² nêu trên do ông bà nội là cụ Đinh Văn Chấn và cụ Nguyễn Thị Hoa (đều đã chết) để lại cho cha mẹ là ông Đ và bà K. Năm 1991, bà K cho bà T 5.000m² và cho ông 5.000m², còn lại 2.301m² là của cha mẹ. Sau đó, bà T trực tiếp canh tác được 03 năm thì ông và bà T có thỏa thuận bà T lấy nền đất của ông M tại phường M, thành phố X và ông M lấy 5.000m² đất đang tranh chấp nên vợ chồng ông canh tác đất từ đó đến nay. Do ông và bà T phát sinh mâu thuẫn nên bà T đã trả đất tại phường M, thành phố X lại cho ông M và đòi lại đất ruộng. Ông không thuê đất của ông L, bà T.

Ông đồng ý trả cho bà T và ông L phần đất diện tích 5.000m², còn lại diện tích 5.000m² cha mẹ đã cho ông sử dụng và diện tích 2.301m² của cha mẹ là ông Đ và bà K. Ông yêu cầu hủy GCNQSDĐ số H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ bà T và ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị K và ông Đinh Văn Đ (đã chết) có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là ông Đinh Văn M, ông Đinh Văn N, ông Đinh Văn N1, bà

Đinh Thị N2, bà Đinh Thị H, ông Đinh Văn H1, bà Đinh Ngọc N3 trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 12.301m^2 là của cụ Đinh Văn Chón và cụ Nguyễn Thị Hoa là cha mẹ của ông Đ cho vợ chồng ông Đ và bà K. Vào năm 1991, bà T có chở bà K đến Ủy ban nhân dân (UBND) xã Định Mỹ (nay là xã Mỹ Phú Đông) làm thủ tục cho bà T phần đất diện tích 5.000m^2 nhưng do bà không biết chữ và thời gian quá lâu nên bà không nhớ có lần tay vào giấy cho đất hay không, ông Đ không ký tên cho bà T phần đất diện tích 12.301m^2 . Khi phát sinh tranh chấp ông Đ, bà K mới biết đất đã được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ số H01432nH ngày 26/12/2007 cho hộ bà T và ông L diện tích 12.301m^2 . Hiện nay, ông M đang quản lý, sử dụng phần đất diện tích 12.301m^2 . Trước đây, ông Đ và bà K đã chia đất cho con là bà T và ông M mỗi người 5.000m^2 . Nay các ông, bà đồng ý giao cho bà T và ông M mỗi người 5.000m^2 , còn 2.301m^2 là của bà K.

Bà Lê Thị H2 trình bày: Bà là vợ của ông Đinh Văn M, bà thống nhất theo lời trình bày của ông M.

UBND huyện S trình bày:

Về nguồn gốc sử dụng đất: Theo Bản kê khai ruộng đất do bà Đinh Thị T đã khai “Diện tích đất 12.311m^2 , loại đất 2 lúa là đất do chủ cũ Trương Thị K khai mở từ 1957 là mẹ ruột chia cho từ 1989, đã ổn định”. Hội đồng xã đã xét cấp theo nội dung kê khai của bà Đinh Thị T. Việc cấp GCNQSDĐ được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định; UBND xã Định Mỹ (nay là Mỹ Phú Đông) thực hiện việc cấp GCNQSDĐ trên cơ sở Bản kê khai của bà T. UBND huyện cấp GCNQSDĐ cho bà T là đúng đối tượng theo hồ sơ xét cấp của xã.

Ngày 16/6/1992 UBND huyện S ban hành Quyết định số 155/QĐ.UB V/v cấp GCNQSDĐ cho bà T, ngụ tại khóm T, phường M, thành phố X. Căn cứ Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của UBND tỉnh An Giang về việc điều chỉnh dự án tổng thể lập hồ sơ địa chính tỉnh An Giang. Thực hiện chủ trương đăng ký cấp đổi GCNQSDĐ, lập hồ sơ địa chính và đồng bộ cơ sở dữ liệu trên địa bàn huyện Thoại Sơn. Trên địa bàn xã Mỹ Phú Đông đã thực hiện xong công tác đăng ký cấp đổi đất nông nghiệp, trong đó bà T đã được cấp đổi GCNQSDĐ số 00809/dH ngày 16/6/1992, số tờ bản đồ 05, thửa đất số 41, diện tích 12.311m^2 , loại đất hai lúa thành GCNQSDĐ số H01432nH ngày 26/12/2007 cho hộ ông L và bà T, số tờ bản đồ 30, thửa đất số 50, diện tích 12.301m^2 , loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Tân Mỹ, xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

UBND huyện S đã cấp GCNQSDĐ số seri AL586578, vào sổ H01432nH ngày 26/12/2007 cho hộ ông L và bà T là đúng đối tượng và đúng theo quy định, trình tự pháp luật (Theo Điều 50 của Luật đất đai năm 2003). Không thống nhất việc hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông L và bà T.

Bà Trần Thị Thanh T1, ông Trần Trung N4 và ông Trần Hoàng M không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L. Buộc ông Đinh Văn M và bà Lê Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L phần đất diện tích 5.000m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn lập ngày 25/9/2020 được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 9, 8. Đất đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01432nH ngày 26/12/2007 cho hộ bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L với diện tích 12.301m², tờ bản đồ số 30, thửa đất số 50, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Đính kèm Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/9/2020).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L yêu cầu ông Đinh Văn M và bà Lê Thị H2 có nghĩa vụ giao trả phần đất diện tích 7.301m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T với diện tích 12.301m², tờ bản đồ số 30, thửa đất số 50, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn M, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T.

4. Các đương sự phải liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/12/2020 nguyên đơn bà Đinh Thị T, ông Trần Văn L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L (đều do ông Nguyễn Văn P đại diện theo ủy quyền) vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Đinh Văn M và bà Lê Thị H2 trả lại diện tích đất 12.301m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 30, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vì nguồn gốc đất bà T ông L được cha mẹ là bà Trương Thị K và ông Đinh Văn Đ tặng cho, đã được cấp GCNQSDĐ. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông M khai bà K có đến ủy ban xã để làm thủ tục cho đất cho bà T và xác định ông Đ biết sự việc này nhưng không phản đối. UBND huyện S cũng có văn bản trả lời xác định nguồn gốc đất do bà K khai, cho lại bà T nên việc cấp giấy chứng nhận cho nguyên đơn là đúng quy định, do đó không chấp nhận yêu cầu của ông M về việc hủy GCNQSDĐ đã cấp cho vợ chồng bà T ông L.

Bị đơn là ông Đinh Văn M, và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Văn Đ là bà Trương

Thị K, Đinh Thị N2, Đinh Thị H, Đinh Ngọc N3, Lê Thị H2, ông Đinh Văn N, Đinh Văn N1, Đinh Văn H1 đều thống nhất yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Thanh T1 thống nhất yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Trung N4, Trần Hoàng M và UBND huyện Thoại Sơn, đều vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm vắng mặt những đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, các đương sự thống nhất khai nhận phần đất diện tích 12.301m² thửa số 50, tờ bản đồ số 30, tại xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang có nguồn gốc là của ông bà nội là ông Đinh Văn Chón, bà Nguyễn Thị Hoa cho cha mẹ là ông Đinh Văn Đạm, bà Trương Thị K. Tuy nhiên, theo nguyên đơn, năm 1989 bà K đã cho vợ chồng bà T phần đất này nhưng không làm giấy tờ. Khi cho đất ông Đ biết nhưng không có ý kiến. Bà T, ông L đã được UBND huyện S cấp GCNQSDĐ đối với phần đất này. Bị đơn ông M cho rằng trong 12.301m² bà K cho bà T 5.000m², cho ông 5.000m², còn lại 2.301m² do ông Đ, bà K quản lý, sử dụng. Do đó, ông M chỉ đồng ý trả lại cho bà T diện tích 5.000m²/12.301m² đất trên.

[3] Xét thấy, tại bản kê khai ruộng đất xin cấp GCNQSDĐ ngày 26/4/1991 bà T tự kê khai có nội dung: “Đất do chủ cũ Trương Thị K khai mở từ năm 1957 là mẹ ruột chia cho từ 1989, đã ổn định” nhưng bà T không cung cấp được tài liệu chứng minh cho việc tặng cho đất nêu trên. Trong khi đó, bà K trình bày phần đất diện tích 12.301m² được chia thành 03 phần: Cho bà T 5.000m², cho ông M 5.000m², phần 2.301m² còn lại để vợ chồng bà sử dụng và tại biên bản đối chất, biên bản hòa giải ngày 20/8/2018, 05/3/2019, 08/4/2019

ông Đ trình bày thống nhất với bà K về việc phân chia 12.301m² thành 03 phần. Do đó, có cơ sở xác định khi còn sống, ông Đ và bà K đã thống nhất tặng cho bà T 5.000m² đất nên khai nhận của nguyên đơn cho rằng được bà K tặng cho toàn bộ diện tích đất trên là không có căn cứ.

[4] Ngoài ra, các đương sự trình bày thống nhất với nhau về nguồn gốc đất là của ông Đinh Văn Chấn, bà Nguyễn Thị Hoa (ông bà nội của bà T, ông M) cho lại cha mẹ là ông Đinh Văn Đạm, bà Trương Thị K. Như vậy, phần đất này là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông Đ, bà K. Trong trường hợp nếu xác định bà K tặng cho toàn bộ diện tích đất 12.301m² cho bà T, ông L, việc tặng cho này cũng không đúng quy định pháp luật vì bà K đã định đoạt vượt quá phần tài sản thuộc quyền sở hữu (bà K được sở hữu ½ tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng).

[5] Do toàn bộ diện tích đất 12.301m² hiện nay ông M đang quản lý sử dụng, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông M trả lại 5.000m² đất theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn lập ngày 25/9/2020 được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 9, 8. Ông M được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 5.000m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/9/2020 được giới hạn bởi các điểm 7, 8, 9, 10. Phần đất còn lại diện tích 2.301m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/9/2020 được giới hạn bởi các điểm 1, 2, 7, 10 là tài sản của bà K và di sản thừa kế của ông Đ nhưng các đương sự không tranh chấp thừa kế nên không xem xét.

[6] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ ông L bà T. Như phân tích tại mục [5], bà T chỉ được tặng cho diện tích 5.000m². Do đó, UBND huyện S cấp GCNQSDĐ số 00809/dH ngày 16/6/1992 đối với toàn bộ diện tích 12.311m², sau đó cấp đổi thành GCNQSDĐ số H01432nH ngày 26/12/2007 cho hộ ông L, bà T là không đúng theo quy định của pháp luật nên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà T, ông L nêu trên là có căn cứ.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo là bà Đinh Thị T, ông Trần Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

I/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị T, ông Trần Văn L; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2020/DS-ST ngày 08/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L.

Buộc ông Đinh Văn M và bà Lê Thị H2 có nghĩa vụ trả cho bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L phần đất diện tích 5.000m² theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Thoại Sơn lập ngày 25/9/2020 được giới hạn bởi các điểm 3, 4, 5, 6, 9, 8. Đất đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01432nH ngày 26/12/2007 cho hộ bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L với diện tích 12.301m², tờ bản đồ số 30, thửa đất số 50, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (Đính kèm Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 25/9/2020).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T và ông Trần Văn L yêu cầu ông Đinh Văn M và bà Lê Thị H2 có nghĩa vụ giao trả phần đất diện tích 7.301m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T với diện tích 12.301m², tờ bản đồ số 30, thửa đất số 50, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại xã Mỹ Phú Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Đinh Văn M, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01432nH ngày 26/12/2007 cấp cho hộ ông Trần Văn L và bà Đinh Thị T.

4. Các đương sự phải liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

II/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

III/ Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị T, ông Trần Văn L mỗi đương sự phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được miễn trừ mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0009351 và 0009352 cùng ngày 23/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự (16);
- Lưu: hồ sơ (1), VP (4), 26b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình